| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH NAM ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 66/2022/DS-PT
Ngày: 26-8-2022
V/v: Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Mai Hương,

Bà Vũ Thị Thu.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C; sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố Nam Định;

3. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 13, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Bà Nguyễn Thị Đ1; sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H, bà H1 và bà Đ1*: Ông Nguyễn Văn Đ (theo văn bản uỷ quyền ngày 29-11-2021).

5. Bà Đoàn Thị X (vợ ông C); sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

6. Anh Nguyễn Văn T1 (con ông C) sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đoàn Thị X và anh Nguyễn Văn T:* Ông Nguyễn Văn C (theo văn bản uỷ quyền ngày 25-8-2022).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1; vắng mặt bà Nguyễn Thị Đ1, bà Đoàn Thị X, anh Nguyễn Văn T1 (đã uỷ quyền).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Cụ Nguyễn Văn Ư và cụ Vũ Thị C1, sinh được 06 người con gồm: Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Đ1 và ông là Nguyễn Văn Đ.

Cụ Nguyễn Văn Ư chết năm 2008 và cụ Vũ Thị C1 chết năm 2019, khi chết không để lại di chúc. Quá trình chung sống cụ Ư và cụ C1 tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Diện tích 500 $m^2$ đất tại thửa 4025 (trong đó có 380 $m^2$ đất ở và 180$m^2$ đất vườn tạp) và diện tích 450 $m^2$ đất ao tại thửa 4030 đều thuộc tờ bản đồ số 9, xã N, đã được UBND huyện Nam Ninh (nay là huyện Nam Trực) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào năm 1995. Trên thửa đất 4025, cụ Ư và cụ C1 xây dựng 01 căn nhà ba gian lợp ngói (ở phía Bắc thửa đất), 01 buồng (ở phía Tây căn nhà ba gian), 01 giếng khơi, 01 bể nước, 01 nhà bếp cấp 4 (ở phía Đông nhà ba gian) và tường bao quanh thửa đất. Trên đất còn có 01 gian buồng, 01 nhà vệ sinh (ở phía Đông căn nhà ba gian) do ông Nguyễn Văn C xây dựng. Từ năm 2019 sau khi cụ C1 chết, không có ai sinh sống ở nhà đất trên. Ông C đã quản lý và không cho ai sử dụng nhà đất tại thửa 4025, với lý do cụ Ư đã để lại di chúc cho ông C. Còn đối với thửa đất ao hiện nay không ai sử dụng canh tác gì.

Nay ông đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Ư và cụ C1 theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Đối với diện tích đất 500 $m^2$ (trong đó có 380 $m^2$ đất ở và 180 $m^2$ đất vườn tạp), tại thửa 4025, tờ bản đồ số 9 xã N, đề nghị chia làm 03 phần, theo hai đường ranh giới chạy theo chiều Nam - Bắc, tiếp giáp với hai hồi nhà phía Đông và phía Tây của nhà ba gian, kéo thẳng về hai hướng Bắc Nam, đến cận Bắc và cận Nam của thửa đất. Ông C, ông Đ và ông T mỗi người được sử dụng một phần đất cùng tài sản trên đất và thanh toán chênh lệch tài sản cho những người thừa kế khác.

Đối với diện tích ao 450 $m^2$ cũng chia làm 03 phần, theo ranh giới Nam - Bắc, ông Đ, ông C và ông T mỗi người một phần ao và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho những người thừa kế khác.

Các phần đất được chia, nếu ông C đồng ý phương án đó, thì được tuỳ ý lựa chọn vị trí, ông và ông T sử dụng phần nào cũng được.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Văn C trình bày thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ Ư, cụ C1 chết, về việc cụ Ư và cụ C1 chết để lại di sản gồm: Diện tích 500 $m^2$ đất (trong đó có 380 $m^2$ đất ở và 180$m^2$ đất vườn tạp) tại thửa 4025 và 450 $m^2$ đất ao tại thửa 4030 đều thuộc tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực cùng các công trình xây dựng trên thửa đất 4025 là 01 nhà ba gian, 01 gian buồng, 01 giếng khơi, 01 bể nước, 01 bếp và tường bao. Trên đất còn có 01 gian buồng và 01 nhà vệ sinh mái bằng ở phía Đông thửa đất là do vợ chồng ông xây dựng. Khi cụ Ư chết có để lại di chúc đề ngày 22-12-2006 cho ông thừa kế toàn bộ 500 $m^2$ đất (trong đó có 380 $m^2$ đất ở và 180$m^2$ đất vườn tạp) tại thửa 4025 và 450 $m^2$ đất ao tại thửa 4030, tờ bản đồ số 9, xã N cùng toàn bộ công trình của cụ Ư và cụ C1 đã xây dựng. Ông C xuất trình bản di chúc của cụ Ư đề ngày 22-12-2006 có nội dung để lại cho ông C toàn bộ 02 thửa đất nêu trên. Ông Chanh xác nhận cả ông và những người thừa kế khác đều không biết khi cụ Ư viết bản di chúc, nhưng đúng là chữ viết của cụ Ư, đề nghị Toà án xem xét giải quyết xác định di chúc của cụ Ư là hợp pháp và không chấp nhận yêu cầu đề nghị chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Đ và những người thừa kế khác.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 223, 667, 684, 685, 674, 675, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 179 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ;

Chia cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 157 $m^2$ (trong đó đất vườn 58 $m^2$ và đất ở 99 $m^2$), thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Có vị trí phía Tây giáp phần đất ông T dài 21,9 m, phía Nam giáp đường dài 7,1 m, phía Bắc giáp đất ông Đ2 dài 7,1 m và phía Đông tiếp giáp với phần đất ông C được chia dài 22,4 m và sở hữu 01 nhà 03 gian, tường bao xây dựng trên đất.

Ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 150 $m^2$ đất ao, thuộc thửa 4030, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Có vị trí như sau: Phía Nam tiếp giáp đường dài 4,83 m, phía Tây tiếp giáp với đất ông T được chia dài 29,15 m, phía Bắc giáp đất ông Đ2 dài 5,65 m, phía Đông tiếp giáp với đất ông C được chia dài 28,8 m.

Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 186,5 $m^2$ (trong đó đất vườn 70,5 $m^2$, đất ở 116 $m^2$) thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Có vị trí phía Tây giáp đường dài 19,6 m, phía Nam giáp đường dài 9,4 m, phía Bắc giáp đất ông Đ2 dài 8,7 m, phía Đông tiếp giáp với phần đất ông Đ được chia dài 21,9 m và sở hữu 01 gian buồng và tường bao xây dựng trên đất.

Ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng 150 $m^2$ đất ao, thuộc thửa 4030, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Có vị trí như sau: Phía Nam tiếp giáp đường dài 4,83 m, phía Tây tiếp giáp đất bà C2 dài 29,5 m, phía Bắc giáp đất ông Đ2 dài 5,55 m, phía Đông tiếp giáp phần đất ông Đ được chia dài 29,15 m.

Chia cho ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 156,5 $m^2$ (trong đó đất vườn 51,5 $m^2$ và đất ở 105 $m^2$) thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, có vị trí: Phía Tây giáp phần đất ông Đ dài 22,4 m, phía Nam giáp đường dài 5,6 m, phía Bắc giáp đất nhà ông Đ2 dài 8,9 m, phía Đông tiếp giáp với đường dài 23 m, được sở hữu 01 nhà bếp, 01 bể nước, 01 giếng nước, tường bao và công trình 01 buồng cấp 4, nhà vệ sinh do ông Nguyễn Văn C xây dựng trên đất.

Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng 150 $m^2$ đất ao, thuộc thửa 4030, tờ bản đồ số 9, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, có vị trí như sau: Phía Nam, tiếp giáp đường dài 4,83 m, phía Tây tiếp giáp với đất ông Đ được chia dài 28,8 m, phía Bắc giáp đất ông Đ2 dài 5,85 m, phía Đông tiếp giáp với đất bà C2 dài 28,5 m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Đ1 95.817.000đ; cho ông Nguyễn Văn C 148.756.000đ.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị H 95.817.000đ, bà Nguyễn Thị H1 95.817.000đ và ông Nguyễn Văn C 87.254.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24-5-2022 ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì nguyên đơn mượn GCNQSDĐ của bố ông để đi cầm cố Ngân hàng bố ông đã đòi nhiều lần không trả, không phải là đất của bố ông tự mua, mà có nguồn gốc do tổ tiên để lại, là đất hương hoả, về pháp lý ông là người được thừa kế theo di chúc của bố ông, còn về gia phong ông là người thừa kế đời thứ 6 của dòng họ Nguyễn có quyền thừa kế

duy trì làm nơi thờ cúng. Nguyên đơn chưa đủ căn cứ để chứng minh về quyền yêu cầu chia thừa kế.

Tại cấp phúc thẩm ông C có đơn xin miễn án phí và xuất trình thêm chứng cứ là di chúc của cụ C1 có tiêu đề "Đơn xin xác nhận di chúc và uỷ quyền thừa kế" và đề nghị xác nhận quyền thừa kế cho ông C theo nội dung 02 bản di chúc của cụ Ư và cụ C1.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Quá trình sinh sống mặc dù rất vất vả nhưng bố mẹ đã phân chia tài sản cho các con, bản thân ông được bố mẹ di chúc cho 02 thửa đất, việc bố ông và mẹ ông làm di chúc như thế nào ông không biết nhưng bố mẹ ông trực tiếp giao di chúc cho ông, nay nếu anh chị em đề nghị chia tài sản bố mẹ đã cho ông thì cũng phải gộp toàn bộ tài sản của bố mẹ trước đây vào để chia lại. Ông, anh T1 và gia đình ông hiện vẫn đang ở tại nhà đất trên, ông đề nghị công nhận quyền thừa kế cho ông theo 02 bản di chúc của cụ Ư và cụ C1, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

Ông Đ, ông T cùng trình bày: Việc bố các ông viết di chúc lúc nào gia đình không ai biết, sau đó cũng không công bố, theo các ông có thể trong điều kiện đang ốm đau bệnh tật, ông Đ lại cầm cố GCNQSDĐ tại Ngân hàng, nên ông C đã ép bố các ông phải viết di chúc, vì thế ông C và bố các ông đã giận nhau cả năm cho đến lúc mất bố con còn không nhìn mặt, nay bố các ông đã mất, các ông tin tưởng cấp sơ thẩm cho rằng di chúc của bố các ông như vậy là hợp pháp và có hiệu lực 1/2, các ông chấp nhận không đề nghị xem xét lại việc phân chia di sản của bố các ông nữa, nhưng riêng đối với di chúc của mẹ các ông đề nghị Toà án xác định là di chúc không hợp pháp, vì cụ C1 không biết chữ, không phải được lập trước mặt người chứng thực, thời điểm xác nhận ghi năm 2017 là không đúng, mà mới được ông C đưa ra ký xác nhận cách đây 45 ngày, người xác nhận đã làm chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà H và bà H1 cùng trình bày: Các bà là con gái không có ý kiến gì về việc các anh em tranh chấp, cũng không có ý kiến gì về các bản di chúc, việc có hay không có di chúc và có hợp pháp hay không hợp pháp, còn về quyền hưởng di sản nếu được chia thì các bà xin nhận, nếu là con gái không được chia thì các bà cũng nhất trí không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đối với di chúc của cụ C1 do ông C xuất trình không có cơ sở chấp nhận vì không được lập theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, di chúc của cụ Ư phía nguyên đơn và những người thừa kế khác không ai kháng cáo, không ai đề nghị xem xét lại, xác định ông C được hưởng thừa kế di sản của cụ Ư theo di chúc, còn di sản của cụ C1 và công trình trên đất do cụ Ư, cụ C1 xây dựng không đề cập trong di chúc được chia thừa kế theo pháp luật.

Về phân chia hiện vật: Cấp sơ thẩm xác định di chúc cụ Ư có hiệu lực 1/2, nhưng lại chia hiện vật thành 03 phần gần tương đương nhau, buộc ông C phải nhận 1/2 kỷ phần thừa kế được hưởng bằng giá trị, trong khi những người thừa kế đều có chỗ ở ổn định là chưa phù hợp, việc chia hiện vật cần bảo đảm cho ông C 1/2 diện tích các thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ Ư và cụ C1, phần còn lại mới chia thừa kế theo pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm về cách chia hiện vật để bảo đảm quyền lợi cho ông C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông C về việc nguyên đơn không có quyền yêu cầu chia thừa kế thấy rằng: Mặc dù nguồn gốc đất không phải do cụ Ư tự mua, mà do tổ tiên để lại nhưng hộ cụ Nguyễn Văn Ư đã được UBND huyện Nam Ninh (nay là huyện Nam Trực) cấp GCNQSDĐ từ ngày 28-9-1995, vợ chồng cụ Ư là người quản lý sử dụng nhà đất, nhưng cho đến thời điểm này không có anh chị em nào của cụ Ư tranh chấp về quyền thừa kế, đến nay theo quy định của pháp luật thì thời hiệu để anh chị em của cụ Ư khởi kiện chia thừa kế cũng đã hết. Các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều trình bày thống nhất về di sản của cụ Ư và cụ C1 để lại, nên trở thành vấn đề không phải chứng minh theo quy định của khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc ông Đ mượn GCNQSDĐ của cụ Ư để đi cầm cố Ngân hàng, cụ Ư đã đòi nhiều lần không trả không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện chia thừa kế của ông Đ. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét quan điểm của ông C cho rằng về pháp lý ông C là người được thừa kế theo di chúc, còn về gia phong ông C là người thừa kế của dòng họ Nguyễn có quyền duy trì làm nơi thờ cúng thấy rằng: Cụ Ư chết năm 2008, có để lại di chúc đề ngày 22-12-2006, không có chữ ký hay điểm chỉ của cụ C1, có nội dung để lại 02 thửa đất 4025 và 4030, tờ bản đồ số 9, xã N cho ông Chanh sử dụng. Cấp sơ thẩm xác định về hình thức di chúc cụ Ư lập phù hợp quy định tại Điều 649, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005, sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không ai kháng cáo đề nghị xem xét lại bản di chúc của cụ Ư, cũng không ai đề nghị giám định để khẳng định có đúng chữ viết, chữ ký của cụ Ư hay không, nên Hội đồng xét xử không đánh giá tính hợp pháp về mặt hình thức di chúc của cụ Ư, nhưng về nội dung của di chúc, việc cụ Ư định đoạt 02 thửa đất thuộc quyền sở hữu chung hợp nhất của cụ Ư và cụ C1, mà không thể hiện có sự đồng ý của cụ C và không đề cập đến các công trình xây dựng trên đất là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ Ư lập ngày 22-12-2006 chỉ có hiệu lực đối với phần quyền sử dụng đất của cụ Ư trong khối tài sản chung hợp nhất với cụ C1 là phù hợp.

[3] Xét di chúc của cụ C1 ngày 02-9-2017 có tiêu đề là "Đơn xin xác nhận di chúc và uỷ quyền thừa kế" do ông C xuất trình tại cấp phúc thẩm thấy rằng: Ngày tháng trong phần xác nhận đã thể hiện không cùng thời điểm cụ C1 viết đơn, nên không chứng minh được việc cụ Cửi có mặt khi tiến hành xác nhận, không thể hiện có việc cụ C tuyên bố nội dung di chúc trước mặt người có thẩm quyền chứng thực, ông C cũng thừa nhận cụ C1 không biết chữ, nhưng di chúc lại được cụ C ký và người có thẩm quyền không xác nhận đúng chữ ký của cụ C1 trong di chúc, như vậy việc lập di chúc của cụ C1 không đúng thủ tục lập di chúc tại UBND cấp xã theo quy định tại Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên không được chấp nhận là di chúc hợp pháp.

[4] Quá trình tham gia tố tụng ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh người để lại di sản dành tài sản làm nơi thờ cúng và pháp luật cũng không có quy định nào về việc người thừa kế của dòng họ có quyền duy trì di sản làm nơi thờ cúng, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C về nội dung này. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 684, 685 và Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phần di sản của cụ Ư được chia cho ông C theo di chúc, còn phần di sản của cụ C1 và công trình cụ Ư, cụ C1 xây dựng trên đất không được đề cập trong di chúc của cụ Ưng được chia thừa kế theo pháp luật.

[5] Theo biên bản định giá ngày 13-01-2022, thửa 4025, diện tích 500 $m^2$ đất (trong đó có 320 $m^2$ đất ở và 180$m^2$ đất vườn tạp) có trị giá 730.000.000 đồng, diện tích 450 $m^2$ đất ao, thửa 4030 có trị giá 225.000.000 đồng. Tổng trị giá 02 thửa đất là: 955.000.000 đồng. Do vậy, ông C được hưởng phần di sản thừa kế theo di chúc là là 955.000.000 đồng : 2 = 477.500.000 đồng.

[6] Di sản thừa kế của cụ Ư và cụ C1 được chia theo pháp luật bao gồm phần di sản của cụ C1 và toàn bộ công trình do cụ Ư và cụ C1 xây dựng trên đất, theo biên bản định giá ngày 13-01-2022 thì 1/2 giá trị quyền sử dụng 02 thửa đất có trị giá 477.500.000 đồng; công trình xây dựng trên đất 01 nhà ba gian giá 33.948.000 đồng, 01 buồng phía Tây giá 14.334.000 đồng, 01 bể nước giá 3.062.000 đồng, 01 giếng nước giá 1.659.000 đồng, 01 bếp giá 7.133.000 đồng và tường bao giá 37.269.000 đồng. Tổng là: 574.903.000 đồng. Cụ Ư và cụ C1 có 06 người con, nên trị giá mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: 574.903.000 đồng: 6 = 95.817.000 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Văn C được hưởng di sản theo di chúc và theo pháp luật có trị giá là: 477.500.000 đồng + 95.817.000 đồng = 573.317.000 đồng. Còn ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Đ1, mỗi người được hưởng phần di sản có trị giá là 95.817.000 đồng.

[7] Về chia hiện vật: Cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ Ư có hiệu lực 1/2, nhưng lại chia toàn bộ nhà đất thành 03 phần gần tương đương nhau, buộc ông C phải nhận một nửa kỷ phần thừa kế được hưởng bằng giá trị, trong khi đất rộng, ông C và anh T1 (con ông C) đang sử dụng nhà đất và các đương sự đều

xác nhận những người thừa kế khác đều đã có chỗ ở ổn định là chưa phù hợp, chưa đảm bảo quyền lợi cho ông C, việc chia hiện vật cần phải bảo đảm cho ông C ít nhất 1/2 diện tích đất, và về vị trí theo quan điểm tự nguyện của các đương sự, ưu tiên ông C được quyền lựa chọn, do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Ông C được chia bằng hiện vật tương đương toàn bộ giá trị di sản ông C được hưởng và chia gọn vào thửa đất số 4025 và về phía tây, phần còn lại về phía Đông của thửa đất số 4025 sẽ giao cho ông T, toàn bộ đất ao sẽ giao ông Đ để tiện việc thi hành án và quá trình sử dụng đất cũng như các công trình trên đất của các đương sự. Do các người thừa kế là con gái của cụ C1 đều đã có chỗ ở ổn định, không ai có nhu cầu và đề nghị được hưởng thừa kế bằng hiện vật, nên sẽ được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị, phần hiện vật chia cho ông T và ông Đ nhiều hơn kỷ phần thừa kế được hưởng nên ông T và ông Đ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản bằng giá trị cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn Thị H1, mỗi người 95.817.000đồng.

[8] Quá trình tham gia tố tụng ông Đ xác nhận 01 buồng cấp bốn phía Đông và 01 nhà vệ sinh trên phần đất phía Đông là do ông C đứng ra xây dựng và bỏ tiền, nên đã trở thành vấn đề ông C không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T có quan điểm cho rằng ông C đứng ra xây dựng nhưng cụ C1 là người bỏ tiền nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, trong khi cụ C1 khi đó đã nhiều tuổi và không có thu nhập, quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông T đã uỷ quyền hợp pháp cho ông Đ, nên phải cùng chịu trách nhiệm với mọi nội dung trình bày của ông Đ. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 14-4-2022 (BL 107) chính quyền địa phương cũng cung cấp "Ông Nguyễn Văn C cũng có xây dựng được công trình ở phía Đông tiếp giáp với nhà ba gian của cụ C1" và quan trọng là sau khi bản án sơ thẩm xác định các công trình này do ông C xây dựng thì ông T, ông Đ và các đương sự không có ai kháng cáo, vì vậy có đủ căn cứ xác định 01 buồng cấp bốn phía Đông và 01 nhà vệ sinh trên phần đất phía Đông của thửa 4025 là do ông C xây dựng, nay để đảm bảo giá trị tài sản tránh lãng phí cần giao cho ông T được quyền sở hữu các công trình này và thanh toán bằng giá trị cho ông C. Xác định ông T phải thanh toán cho ông C trị giá 01 buồng cấp bốn phía Đ là 26.238.888 đồng và trị giá nhà vệ sinh là 15.273.600 đồng, tổng cộng ông T phải thanh toán cho ông C là 41.512.488 đồng đúng theo kết quả định giá ngày 13-01-2022 (BL từ 94-96) các đương sự đã tham gia việc định giá và đã nhất trí.

[9] Như vậy, ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 343,5m$^2$ (trong đó đất vườn 123.5 m$^2$ trị giá 61.750.000 đồng và đất ở 220 m$^2$ trị giá 440.000.000 đồng) thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu 01 nhà ba gian trị giá 33.947.000 đồng, 01 gian buồng trị giá 14.334.000 đồng, phần tường bao dài 36,1 m, có trị giá 22.564.000 đồng, tổng trị giá 572.595.000 đồng.

[10] Ông Nguyễn Văn T được sử dụng phần đất có diện tích 156,5 m$^2$ (trong đó đất vườn 56,5 m$^2$ trị giá 28.250.000 đồng và đất ở 100 m$^2$ trị giá

200.000.000 đồng) và được sở hữu 01 nhà bếp có trị giá 7.133.000đồng, 01 bể nước có trị giá 3.061.000 đồng, 01 giếng nước có trị giá 1.659.000 đồng, phần tường bao dài 23,5 m có trị giá 14.705.000 đồng. Tổng trị giá hiện vật ông T được chia thừa kế là 254.811.000 đồng. Đồng thời, ông Thủ được quyền sở hữu các công trình do ông C xây dựng gồm: 01 buồng cấp bốn phía Đông trị giá 26.238.888 đồng; 01 nhà vệ sinh trị giá 15.273.600 đồng. Tổng cộng, ông T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất có trị giá 296.323.488 đồng.

[11] Ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 450 $m^2$ đất ao, thuộc thửa 4030, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, có trị giá 225.000.000 đồng.

[12] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí dân sự phúc thẩm người kháng cáo không phải nộp. Án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự phải nộp án phí 5% đối với kỷ phần di sản được hưởng. Nên, bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Đ1, mỗi người phải nộp 4.790.000 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ các Điều 223, 667, 684, 685, 674, 675 và Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 636, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ;

Chia cho ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng 450 $m^2$ đất ao, thuộc thửa 4030, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, có trị giá 225.000.000 đồng;

Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích 156,5$m^2$ (trong đó đất vườn 56,5 $m^2$ và đất ở 100$m^2$), thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu 01 nhà bếp, 01 bể nước, 01 giếng nước, phần tường bao xây dựng trên đất, 01 buồng cấp 4, nhà vệ sinh, có tổng trị giá 296.323.488 đồng. Nhưng, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho ông C giá trị 01 buồng cấp 4 phía Đông 26.238.888 đồng và giá trị nhà vệ sinh 15.273.600 đồng, tổng cộng 41.512.488 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm mười hai ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng);

Chia cho ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 343,5 $m^2$ (trong đó đất vườn 123.5 $m^2$ và đất ở 220 $m^2$) thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu 01 nhà ba

gian, 01 gian buồng, phần tường bao xây dựng trên đất, có tổng trị giá 572.595.000 đồng;

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông C, anh T hiện đang quản lý sử dụng nhà đất có nghĩa vụ bàn giao lại cho ông Đ và ông T diện tích đất cùng toàn bộ công trình đã xây dựng trên phần diện tích đất mà theo quyết định của bản án đã chia, giao cho ông Đ và ông T;

Ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Đ1 số tiền 95.817.000 đồng (Chín mươi lăm triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng); cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 33.366.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng);

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị H số tiền 95.817.000 đồng (Chín mươi lăm triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng), bà Nguyễn Thị H1 số tiền 62.451.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Kiến nghị UBND huyện Nam Trực thu hồi GCNQSDĐ do UBND huyện Nam Ninh (nay là huyện Nam Trực) đã cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn Ư ngày 28-9-1995 và cấp GCNQSDĐ cho các đương sự theo quyết định của bản án;

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Ông Nguyễn Văn C không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm;

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H1 và bà Nguyễn Thị Đ1, mỗi người phải nộp 4.790.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T;

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004654 ngày 27-5-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND+VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- UBND huyện Nam Trực;
- Chi cục THA huyện Nam Trực**;**
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Vũ Thị Thu** | **Vũ Thị Mai Hương** | **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** |

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Vũ Thị Thu** | **Vũ Thị Mai Hương** | **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** |

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | | THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA |
|---|---|---|
| **Vũ Thị Thu** | **Vũ Thị Mai Hương** | **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** |

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 50 phút ngày 26-8-2022,

Tại phòng nghị án trụ sở Toà án nhân dân dân tỉnh Nam Định.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Mai Hương,

Bà Vũ Thị Thu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp thừa kế giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn Đô; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Chanh; sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn Thủ; sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

2. Bà Nguyễn Thị Hà; sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đông Phong Lộc, xã Nam Phong, thành phố Nam Định;

3. Bà Nguyễn Thị Hạnh; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 13, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Bà Nguyễn Thị Điểm; sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 11, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Thủ, bà Hà, bà Hạnh và bà Điểm*: Ông Nguyễn Văn Đô (theo văn bản uỷ quyền ngày 29-11-2021).

5. Bà Đoàn Thị Xuất (vợ ông Chanh); sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

6. Anh Nguyễn Văn Tuấn (con ông Chanh) sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đoàn Thị Xuất và anh Nguyễn Văn Tuấn:* Ông Nguyễn Văn Chanh (theo văn bản uỷ quyền ngày 25-8-2022).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Quan điểm bà Hương: Đối với di chúc của cụ Cửi do ông Chanh xuất trình không có cơ sở chấp nhận vì không được lập theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, xác định ông Chanh được hưởng thừa kế di sản của cụ Ưng theo di chúc, còn di sản của cụ Cửi được chia thừa kế theo pháp luật. Về phân chia hiện vật cần bảo đảm cho ông Chanh 1/2 diện tích các thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ Ưng và cụ Cửi, phần còn lại mới chia thừa kế theo pháp luật.

Vì vậy, cần: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 BLTTDS,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Chanh, sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ các Điều 223, 667, 684, 685, 674, 675 và Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đô;

Chia cho ông Nguyễn Văn Đô được quyền sử dụng 450 $m^2$ đất ao, thuộc thửa 4030, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, có trị giá 225.000.000 đồng;

Chia cho ông Nguyễn Văn Thủ được quyền sử dụng diện tích 156,5 $m^2$ (trong đó đất vườn 56,5 $m^2$ và đất ở 100 $m^2$), thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu 01 nhà bếp, 01 bể nước, 01 giếng nước, phần tường bao xây dựng trên đất, 01 buồng cấp 4, nhà vệ sinh, có tổng trị giá 296.323.488 đồng. Nhưng, ông Thủ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Chanh giá trị 01 buồng cấp 4 phía Đông 26.238.888 đồng và giá trị nhà vệ sinh 15.273.600 đồng, tổng cộng 41.512.488 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm mười hai ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng);

Chia cho ông Nguyễn Văn Chanh được quyền sử dụng phần đất có diện tích 343,5$m^2$ (trong đó đất vườn 123.5 $m^2$ và đất ở 220 $m^2$) thuộc thửa 4025, tờ bản đồ số 9 xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và được quyền sở hữu 01 nhà ba gian, 01 gian buồng, phần tường bao xây dựng trên đất, có tổng trị giá 572.595.000đồng;

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Chanh, anh Tuấn có nghĩa vụ bàn giao lại cho ông Đô và ông Thủ diện tích đất cùng toàn bộ công trình đã xây dựng trên phần diện tích đất mà theo quyết định của bản án đã chia, giao cho ông Đô và ông Thủ.

Ông Nguyễn Văn Đô có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Điểm số tiền 95.817.000 đồng (Chín mươi lăm triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng); cho bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền 33.366.000 đồng (Ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng);

Ông Nguyễn Văn Thủ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị Hà số tiền 95.817.000 đồng (Chín mươi lăm triệu tám trăm mười bảy ngàn đồng), bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền 62.451.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng);

Kiến nghị UBND huyện Nam Trực thu hồi GCNQSDĐ do UBND huyện Nam Ninh (nay là huyện Nam Trực) đã cấp cho hộ cụ Nguyễn Văn Ưng ngày 28-9-1995 và cấp GCNQSDĐ cho các đương sự theo quyết định của bản án;

Về án phí: Căn cứ Điều 12, khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Ông Nguyễn Văn Chanh không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm;

Bà Nguyễn Thị Hà, bà Nguyễn Thị Hạnh và bà Nguyễn Thị Điểm mỗi người phải nộp 4.790.000đồng (Bốn triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Chanh, ông Nguyễn Văn Đô, ông Nguyễn Văn Thủ;

Tuyên nghĩa vụ thi hành án và biện pháp bảo đảm thi hành án.

Quan điểm bà Thu và bà Tuyết: Nhất trí quan điểm bà Hương.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 ý kiến nhất trí với nội dung trên.

Việc nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu** **Vũ Thị Mai Hương** **Nguyễn Thị Bạch Tuyết**